TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH B DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 744/2020/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 28 tháng 9 năm 2020*

Q ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH B DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 1032/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải Q việc dân sự:

- Ông Phí Văn B, sinh năm 1975;
- Bà Phí Thị N, sinh năm 1974;

Cùng trú tại: Xóm T, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; tạm trú: 200C tổ 5, khu phố Đ, phường B, thành phô T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phí Văn B và bà Phí Thị N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Á, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái B theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 01/9/2000.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông B và bà N chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện tại, ông B và bà N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Phí Văn B và bà Phí Thị N có 01 người con chung Phí Văn Q, sinh ngày 07/11/2001 đã trưởng thành.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phí Văn B và bà Phí Thị N không yêu cầu Tòa án giải Q.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Phí Văn B và bà Phí Thị N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, con chung đã trưởng thành, thỏa thuận không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Q ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phí Văn B và bà Phí Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phí Văn B và bà Phí Thị N có 01 người con chung Phí Văn Q, sinh ngày 07/11/2001 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải Q.

2. Về lệ phí: Ông Phí Văn B và bà Phí Thị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải Q yêu cầu về việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0047266 ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh B Dương.

3. Q định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Phòng Tư pháp thành phố Thuận An;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu